

TÁC ĐỘNG CỦA MẠNG XÃ HỘI TIKTOK ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI PHÂN HIỆU TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bùi Phương Anh¹, Võ Quốc Khánh², Đỗ Trọng Nghĩa³,
Bùi Thị Mỹ Ly⁴, Nguyễn Huỳnh Kim Ngân⁵, Phạm Nguyễn Bích Như⁶

Tóm tắt

Nghiên cứu này nhằm đo lường và đánh giá mức độ tác động của mạng xã hội Tiktok đến kết quả học tập của sinh viên trường đại học Giao thông vận tải Phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên Phân hiệu bao gồm: (1) Nhận thức về tính hữu ích của TikTok, (2) Tìm kiếm thông tin, (3) Nội dung các video của TikTok, (4) Sự tương tác, chia sẻ, (5) Người có sức ảnh hưởng trên TikTok. Trong đó nhân tố Tìm kiếm thông tin tác động mạnh nhất. Các giải pháp cũng nhằm tập trung tối ưu hoá khả năng tìm kiếm thông tin, tài liệu trên Tiktok, phục vụ nhu cầu và nâng cao kết quả học tập của sinh viên Phân hiệu.

Keywords: Mạng xã hội Tiktok, kết quả học tập, tìm kiếm thông tin, người ảnh hưởng.

IMPACTS OF TIKTOK ON LEARNING ACTIVITIES OF STUDENTS OF THE UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS AT THE CAMPUS IN HO CHI MINH CITY

Abstract

This study aims to quantify and assess how the social media platform TikTok affects students' learning outcomes at the University of Transport and Communications in Ho Chi Minh City. According to research findings, there are five categories of elements that influence students' academic performance in the campus, including: (1) Awareness of TikTok's usefulness; (2) information search; (3) TikTok's video content; (4) interaction and sharing; (5) TikTok influencers, where the information search component has the biggest influence. The solutions also center on how to search best for information and documents on TikTok to meet the users' demands and enhance their educational outcomes.

Từ khóa: social network Tiktok, learning results, information search, influencers.

JEL classification: I2, I23, L81, L86.

1. Giới thiệu

Trong thời đại công nghệ hiện nay, số lượng người biết đến và sử dụng mạng xã hội ngày càng nhiều. Mạng xã hội đã trở nên quen thuộc với phần đông mọi người, đặc biệt là giới trẻ - thế hệ nhanh nhạy với sự phát triển của công nghệ. Từ việc sử dụng mạng xã hội để giải trí, kết nối bạn bè đến tìm kiếm thông tin, mua sắm và học tập. Ảnh hưởng của mạng xã hội đến học tập, đời sống của giới trẻ đang là một chủ đề thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Trong số các nền tảng mạng xã hội phổ biến, TikTok - một ứng dụng chia sẻ video ngắn đã nhanh chóng thu hút sự quan tâm và tham gia của hàng triệu người trên toàn thế giới. Với sự phổ biến ngày càng tăng của TikTok, câu hỏi về tác động của nền tảng này đến kết quả học tập của sinh viên là điều cần được đặt ra.

Nghiên cứu này không chỉ làm rõ về cách mà TikTok ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên, mà nhóm tác giả còn đưa ra khuyến nghị để tối ưu hóa việc sử dụng mạng xã hội này trong việc hỗ trợ quá trình học tập. Đồng thời, thông qua việc tìm hiểu về mối liên hệ giữa TikTok với kết quả học tập, nghiên cứu cũng giúp tăng cường nhận thức và sự chú ý của cộng đồng đối với vấn đề quản lý thời gian và tinh thần khi sử dụng mạng xã hội. Qua việc khám phá sâu hơn về chủ đề này,

hy vọng rằng nghiên cứu sẽ đóng góp một phần nhỏ vào việc nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển bền vững của các sinh viên trong hệ thống giáo dục Việt Nam.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về các nhân tố của mạng xã hội tác động đến kết quả học tập của sinh viên với các phương pháp nghiên cứu khác nhau và gắn với từng bối cảnh khác nhau.

Trong đề tài “Nghiên cứu các nhân tố của mạng xã hội tác động đến kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Công nghiệp thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh” đã chỉ ra 4 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên gồm: (1) tìm kiếm thông tin, (2) giải trí, (3) tính thời thượng và (4) công cụ tìm kiếm. Tất cả các nhân tố đều có ảnh hưởng tích cực đến kết quả học tập của sinh viên. (Lê Thị Thanh Hà và Trần Tuấn Anh & Huỳnh Xuân Trí, 2017, tr.107).

Nghiên cứu với tựa đề “Ảnh hưởng của nội dung video trên Tiktok đến hành vi, thái độ của sinh viên Hà Nội” đã cho thấy nội dung video trên Tiktok có ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. (Tăng Thị Thuý và cộng sự, 2020, tr.332).

Trong nghiên cứu về “Các nhân tố của mạng xã hội ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên khối ngành kinh tế xã hội tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội” đã chỉ ra 5 nhóm nhân

tổ ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên bao gồm: (1) Tìm kiếm thông tin của, (2) Giải trí của, (3) Công cụ học tập, (4) Quan hệ xã hội, (5) Thời thượng. Kết quả phân tích cho thấy nhân tố tìm kiếm thông tin và công cụ học tập có mối quan hệ chặt chẽ với kết quả học tập. (Đào Thị Huyền Trang và cộng sự, 2021, tr.219).

Trong nghiên cứu với tựa đề “*Ảnh hưởng của việc sử dụng mạng xã hội TikTok đến kết quả học tập của sinh viên trên địa bàn Hà Nội trong thời kỳ học tập trực tuyến*” đã chỉ ra 5 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên gồm: (1) kết quả học tập kỳ trước, (2) thời gian sử dụng TikTok, (3) tần suất đăng video, (4) số lượng video sinh viên xem, (5) thời gian tự học. Trong đó kết quả học tập kỳ trước có tác động mạnh nhất đến kết quả học tập của sinh viên trong thời gian học trực tuyến. (Nguyễn Thị Giang và cộng sự, 2022, tr.68).

Nghiên cứu về “*Tác động của TikTok đến kết quả học tập của sinh viên ngành kinh tế Trường đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội*” cũng đã chỉ ra 4 nhân tố bao gồm: (1) Tính hữu ích của TikTok, (2) Tính dễ sử dụng của TikTok, (3) Mục đích sử dụng, (4) Tần suất sử dụng tác động tích cực tới kết quả học tập của sinh viên. (Nguyễn Thuỷ Trang và Nguyễn Thị Khánh Ly, 2023, tr.4-5).

Trong nghiên cứu “*TikTok and Education: Discovering Knowledge through Learning Videos*” đã ủng hộ ý tưởng thông tin siêu dữ liệu âm thanh và văn bản có sẵn trong các video TikTok ngắn chứa các khái niệm giúp hiểu rõ hơn về các chủ đề học tập. (Angel Fiallos Ordoñez và Stalin Figueroa, 2021).

Nghiên cứu với tựa đề “*Use of Social Media and Its Impact on Academic Performance of*

Tertiary Institution Students: A Study of Students of Koforidua Polytechnic, Ghana” đã xem xét mối quan hệ giữa việc sử dụng phương tiện truyền thông xã hội và thành tích học tập của sinh viên đại học. Kết quả nghiên cứu cho thấy có mối tương quan tiêu cực giữa việc sử dụng phương tiện truyền thông xã hội quá mức và thành tích học tập. Sinh viên cần sử dụng phương tiện truyền thông xã hội một cách hợp lý và có trách nhiệm để tránh những tác động tiêu cực. (M. Owusu-Acheaw và Agatha Gifty Larson, 2015, tr.94).

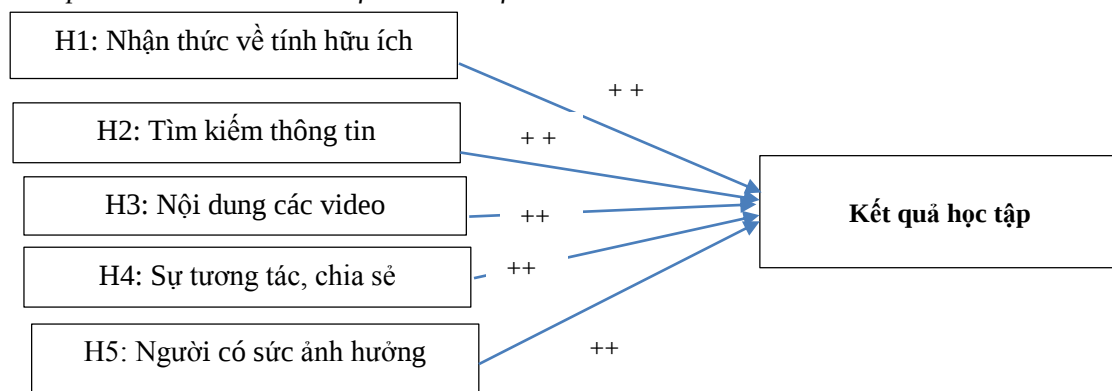
Như vậy, các nghiên cứu trong và ngoài nước đã chỉ ra việc sử dụng mạng xã hội có tác động đến kết quả học tập của sinh viên. Hầu hết các nghiên cứu này đều gắn liền với bối cảnh nghiên cứu trong một trường đại học cụ thể, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại chưa có một nghiên cứu nào tập trung vào tác động của việc sử dụng mạng xã hội TikTok đến hoạt động học tập của sinh viên tại Trường đại học Giao thông Vận tải phân hiệu tại thành phố Hồ Chí Minh.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình và giả thiết nghiên cứu đề xuất

3.1.1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, dựa trên cơ sở nghiên cứu tổng quan các công trình khoa học có liên quan trong và ngoài nước, nhóm tác giả tập trung vào 5 nhân tố: (1) Nhận thức về tính hữu ích của TikTok, (2) Tìm kiếm thông tin, (3) Nội dung các video của TikTok, (4) Sự chia sẻ và tương tác và (5) Người có sức ảnh hưởng trên TikTok. Đây là 5 nhân tố đóng vai trò là biến độc lập. Bên cạnh đó, kết quả học tập đóng vai trò là biến phụ thuộc để đưa vào mô hình nghiên cứu.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu tác động của MXH TikTok đến kết quả học tập của SV

Nguồn: Đề xuất của nhóm tác giả

3.1.2. Giả thuyết nghiên cứu

Nhận thức về tính hữu ích được định nghĩa là “*Mức độ mà một người tin rằng việc sử dụng một hệ thống sẽ nâng cao hiệu suất công việc của mình*” (Davis, 1989, tr.320). Nếu sinh viên nhận thức rằng việc sử dụng TikTok mang lại lợi ích

trong học tập thì sẽ tăng khả năng dành nhiều thời gian hơn cho việc sử dụng TikTok từ đó ảnh hưởng đến kết quả học tập.

Giả thuyết H1: Nhận thức về tính hữu ích của TikTok ảnh hưởng cùng chiều tới kết quả học tập của sinh viên

Tìm kiếm thông tin là một trong những hoạt động thường xuyên của sinh viên trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và giải trí. Các dạng thông tin được đề cập có thể là thông tin về sản phẩm, thương hiệu, kiến thức,... Việc tìm kiếm thông tin trên TikTok cho phép sinh viên dễ dàng truy cập vào các tài liệu học tập, video bài giảng, và hướng dẫn giải bài tập, từ đó giúp tiếp thu kiến thức một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Giả thuyết H2: Tìm kiếm thông tin trên TikTok ảnh hưởng cùng chiều tới kết quả học tập của sinh viên

Nội dung các video trên TikTok có ảnh hưởng cả hai chiều tích cực và tiêu cực ở ba khía cạnh học tập, giao tiếp, phát triển bản thân. Tuy nhiên, mạng xã hội TikTok có ảnh hưởng theo chiều hướng tích cực hơn, trong đó khía cạnh phát triển bản thân, học tập chịu ảnh hưởng từ TikTok nhiều hơn so với khía cạnh giao tiếp. Phần lớn sinh viên học hỏi được khá nhiều kỹ năng ở các lĩnh vực khác nhau trên TikTok từ việc tạo hình bản thân, kỹ năng mềm trong cuộc sống đến việc trau dồi thêm kiến thức chuyên ngành.

Giả thuyết H3: Nội dung video trên TikTok ảnh hưởng cùng chiều đến kết quả học tập của sinh viên

Mạng xã hội là một trong những công cụ phổ biến được sinh viên sử dụng để chia sẻ tài liệu học tập, đồ án, tài nguyên hữu ích khác và liên kết đến các tài nguyên bên ngoài. Những nghiên cứu gần đây cho thấy rằng sinh viên và giảng viên trong các trường đại học thường sử dụng TikTok để chia sẻ tài liệu học tập cũng như trao đổi ý kiến về chuyên môn. Do đó MXH TikTok được xem như là một trong những kênh hỗ trợ đắc lực cho phương pháp giảng dạy truyền thống, giúp nâng cao hiệu quả học tập.

Giả thuyết H4: Sự tương tác, chia sẻ ảnh hưởng cùng chiều tới kết quả học tập của sinh viên

“Người ảnh hưởng và người theo dõi có quan điểm tương đồng với nhau, họ tương tác và chia sẻ với nhau nhiều hơn” (Zainab Al-Darraj và Zahra Al Mansour và Shilan Rezai, 2020, tr.30). Người ảnh hưởng giống như một người bạn lâu năm đối với follower vì họ được cho là gần gũi và dễ tiếp cận hơn so với người nổi tiếng truyền thống hay gia đình, bạn bè của người theo dõi. *“Việc sử dụng mạng xã hội là không gian tạo ra sự kết nối giữa người dùng với người có tầm ảnh hưởng, thông qua đó tạo động lực học tập, kỹ năng chuyên môn cho các bạn trẻ trong quá trình theo đuổi nghề nghiệp mơ ước của mình”* (Ngô Mai Linh, Trần Phương Nam, Nguyễn Thị Quỳnh Anh và Mai Hoàng Long, 2023, tr.71).

Giả thuyết H5: Người có sức ảnh hưởng trên TikTok ảnh hưởng cùng chiều tới kết quả học tập của sinh viên

Tổng hợp từ các giả thuyết trên, mô hình nghiên cứu được xác định dưới dạng phương trình như sau:

$$KQHT = \beta_0 + \beta_1 HI + \beta_2 TK + \beta_3 ND + \beta_4 CS + \beta_5 NAH$$

Trong đó:

Biến phụ thuộc: Kết quả học tập (KQHT)

Biến độc lập: Nhận thức về tính hữu ích của Tiktok (HI); Tìm kiếm thông tin (TK); Nội dung các video (ND); Sự tương tác, chia sẻ (CS); Người có sức ảnh hưởng (NAH).

β_k : Hệ số hồi quy ($k=0,1,2,\dots,5$)

3.2. Tiến hành nghiên cứu

Trong mô hình nghiên cứu có 05 biến độc lập và 01 biến phụ thuộc. Để tiến hành phân tích hồi quy tốt nhất, theo Tabachnick và Fidell kích thước mẫu tối thiểu cho mô hình này là 90 mẫu quan sát. Nhằm đảm bảo độ tin cậy, nhóm tác giả sử dụng 356 phiếu khảo sát. Trong nghiên cứu sơ bộ, nhóm tác giả tiến hành nghiên cứu định tính với kỹ thuật thảo luận nhóm và phỏng vấn. Đối tượng được chọn là 10 giảng viên tại Phân hiệu. Mục đích nhằm xác định mối quan hệ giữa các biến trong mô hình nghiên cứu, hiệu chỉnh ngôn ngữ thang đo và các biến quan sát trong thang đo sơ bộ. Trên cơ sở những thông tin có được, nhóm tác giả xây dựng bảng câu hỏi phù hợp. Các thang đo sử dụng trong nghiên cứu đều được nhóm tác giả kế thừa từ các nghiên cứu trước, đồng thời có sự điều chỉnh từ ngữ để đảm bảo phù hợp với phạm vi và bối cảnh nghiên cứu của đề tài. Các biến trong mô hình được đo bằng thang đo Likert với thang điểm đánh giá từ 1 đến 5, trong đó: (1) Hoàn toàn không đồng ý; (2) Không đồng ý; (3) Trung lập; (4) Đồng ý; (5) Hoàn toàn đồng ý.

Do đối tượng khảo sát là sinh viên Phân hiệu nên nhóm tác giả kết hợp hai phương pháp khảo sát trực tiếp thông qua phát phiếu và khảo sát trực tuyến thông qua đường link trên Google form. Để thuận tiện cho việc khảo sát, nhóm tác giả lựa chọn phương pháp chọn mẫu phi xác suất, cụ thể là phương pháp chọn mẫu tiện lợi. Thời gian khảo sát khảo sát từ ngày 11 tháng 03 đến ngày 07 tháng 04 năm 2024. Kết quả sau khi sàng lọc các phiếu thu về 326 phiếu hợp lệ với tỷ lệ hồi đáp 91,57%. Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS20 thông qua kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha; phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy để kiểm tra mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến kết quả học tập của sinh viên.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Mô tả mẫu

Đối tượng khảo sát là các sinh viên đang học tập tại Phân hiệu từ khóa 61 đến khóa 64 thuộc tất cả các Khoa/Bộ môn:

Bảng 1: Mô tả mẫu nghiên cứu

Thông tin khảo sát	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Khóa	Khóa 61	66
	Khóa 62	127
	Khóa 63	26
	Khóa 64	64
	Tổng	283
Giới tính	Nữ	131
	Nam	152
	Tổng	283
	Khoa Vận tải - Kinh tế	120
	Khoa Công trình	65
Khoa/ Bộ môn	Bộ môn Điện - Điện tử	37
	Bộ môn Cơ khí	34
	Bộ môn Công nghệ thông tin	27
	Tổng	283
Điểm tích lũy	Dưới 2.0	10
	Từ 2.0 đến cận 2.5	25
	Từ 2.5 đến cận 3.2	153
	Từ 3.2 đến cận 3.6	72
	Trên 3.6	23
	Tổng	283

Kết quả thống kê mô tả mẫu từ bảng 1 chỉ ra mẫu nghiên cứu phân bố đều các tiêu chí phân loại. Trong đó: Nam giới chiếm tỉ lệ cao nhất (53,71%). Sinh viên khóa 62 chiếm tỉ lệ 44.88% cao hơn các khóa còn lại. Sinh viên thuộc khoa Vận tải Kinh tế cũng có tỉ lệ 42.40% cao hơn các khoa/bộ môn còn lại. Phần lớn sinh viên được

Nguồn: Kết quả xử lý từ dữ liệu khảo sát khảo sát có điểm tích lũy từ 2.5 đến cận 3.2 chiếm tỉ lệ 54.06%. Như vậy, mẫu khảo sát đủ điều kiện để đại diện cho tổng thể khi nghiên cứu và hoàn toàn phù hợp với trường đại học Giao thông Vận tải phân hiệu tại TP. HCM.

4.2. Kiểm định thang đo

Bảng 2: Kết quả phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha

Yếu tố	Số lượng biến quan sát	Hệ số Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số tải nhân tố	Nguồn
Nhận thức về tính hữu ích	HI1	0,755	0,525	0,774	Đoàn Thị Kim Loan, Lưu Thị Trinh (2016); Maslin Masrom (2008)
	HI2		0,602	0,743	
	HI3		0,545	0,651	
	HI4		0,533	0,578	
Tìm kiếm thông tin	TK1	0,680	0,523	0,709	Angela Yan Yu (2010) Huang, Hsieh, Wu (2014); Maslin Masrom (2008)
	TK2		0,437	0,706	
	TK3		0,436	0,611	
	TK4		0,458	0,600	
Nội dung	ND1	0,657	0,495	0,756	Phan Lan Chi, Nguyễn Quang Anh (2022)
	ND2		0,346	0,740	
	ND3		0,464	0,637	
	ND4		0,458	0,533	
Sự tương tác, chia sẻ	CS1	0,686	0,387	0,788	Kirschner et al (2010), Nguyễn Thủy Trang, Nguyễn Thị Khánh Ly (2023)
	CS2		0,485	0,695	
	CS3		0,550	0,632	
	CS4		0,459	0,547	
Người ảnh hưởng	NAH1	0,718	0,484	0,795	Lê Hoàng Anh (2023), Zainab Al-Darraj (2020)
	NAH2		0,514	0,781	
	NAH3		0,470	0,599	
	NAH4		0,559	0,512	
Kiểm định Bartlett's			Hệ số KMO = 0,867		
			Giá trị chi bình phương		1551,040
			df		190
			Sig.		0,000
	Tổng phương sai trích				55,481%
Kết quả học tập	KQHT1	0,667	0,451	0,730	Nguyễn Thị Hồng Loan (2021), Võ Thị Tâm (2010)
	KQHT2		0,470	0,719	
	KQHT3		0,411	0,709	
	KQHT4		0,461	0,669	
Kiểm định Bartlett's			Hệ số KMO = 0,867		
			Giá trị chi bình phương		149,641
			df		6
			Sig.		0,000
	Tổng phương sai trích				50,023%

Kết quả Bảng 2 cho thấy hệ số Cronbach's Alpha tổng của các biến độc lập và biến phụ thuộc

Nguồn: Kết quả xử lý từ dữ liệu khảo sát nằm trong khoảng từ 0,657 đến 0,755 đều lớn hơn 0,6 và lớn hơn hệ số Cronbach's Alpha nếu loại

biến. Đồng thời, hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát trong thang đo đều lớn hơn 0,3. Do đó, thang đo các biến độc lập và biến phụ thuộc đều đạt được hai giá trị phân biệt, tin cậy và đủ điều kiện để đưa vào phân tích nhân tố khám phá.

Kết quả phân tích nhân tố khám phá của các biến độc lập cho thấy hệ số KMO nằm trong khoảng lớn hơn 0,5 và nhỏ hơn 1 với hệ số Sig. là 0,000, hệ số tải nhân tố của các biến quan sát đều lớn hơn 0,5, hệ số Eigenvalue đạt 1,011 lớn hơn 1 đã đảm bảo mức ý nghĩa và sự tin cậy khi phân tích nhân tố khám phá. Kết quả phân tích cho thấy

20 biến quan sát được trích vào 5 nhân tố độc lập với tổng phương sai trích là 55,481% lớn hơn 50%, tức là 5 nhân tố này đã giải thích được 55,481% sự biến thiên của dữ liệu nghiên cứu. Đồng thời, kết quả phân tích nhân tố khám phá biến phụ thuộc cũng đạt các yêu cầu đặt ra với các hệ số KMO là 0,726; hệ số Sig. là 0,000; hệ số tải nhân tố các biến quan sát lớn hơn 0,5; hệ số Eigenvalue là 2,001; tổng phương sai trích là 50,023%. Tóm lại, các kết quả phân tích trên đã cho thấy sự phù hợp với yêu cầu đặt ra.

Bảng 3: Bảng phân tích tương quan Pearson

	Nhân tố	Hữu ích	Tìm kiếm	Nội dung	Chia sẻ	Người ảnh hưởng	Kết quả học tập
Hữu ích	Pearson Correlation	1	0,502**	0,301**	0,397**	0,508**	0,536**
	Sig. (2-tailed)		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
Tìm kiếm	Pearson Correlation	0,502**	1	0,408**	0,413**	0,535**	0,634**
	Sig. (2-tailed)	0,000		0,000	0,000	0,000	0,000
Nội dung	Pearson Correlation	0,301**	0,408**	1	0,325**	0,330**	0,500**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000		0,000	0,000	0,000
Chia sẻ	Pearson Correlation	0,397**	0,413**	0,325**	1	0,435**	0,458**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000		0,000	0,000
Người ảnh hưởng	Pearson Correlation	0,508**	0,535**	0,330**	0,435**	1	0,587**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,000		0,000
Kết quả học tập	Pearson Correlation	0,536**	0,634**	0,500**	0,458**	0,587**	1
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	

** . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

Sig kiểm định t tương quan Pearson giữa năm biến độc lập Hữu ích, Tìm kiếm, Nội dung, Chia sẻ, Người ảnh hưởng với biến phụ thuộc Kết quả học tập đều nhỏ hơn 0.05. Như vậy, có mối liên hệ tuyến tính giữa các biến độc lập này với biến phụ thuộc. Giữa các biến độc lập, không

Nguồn: Kết quả xử lý từ dữ liệu khảo sát có mối tương quan nào quá mạnh khi trị tuyệt đối hệ số tương quan giữa các cặp biến đều nhỏ hơn 0.5, như vậy khả năng xảy ra hiện tượng cộng tuyến/đa cộng tuyến cũng thấp hơn.

4.3. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Bảng 4: Ma trận xoay biến độc lập

	Thành phần				
	1	2	3	4	5
HI2	,774				
HI4	,743				
HI1	,651				
HI3	,578				
NAH4		,709			
NAH2		,706			
NAH3		,611			
NAH1		,600			
ND3			,756		
ND4			,740		
ND1			,637		
ND2			,533		
TK1				,788	
TK4				,695	
TK3				,632	
TK2				,547	
CS4					,795
CS3					,781
CS2					,599
CS1					,512

Nguồn: Kết quả xử lý từ dữ liệu khảo sát

Bảng 5: Ma trận xoay biến phụ thuộc

	Thành phần	
	1	
KQHT2	,730	
KQHT4	,719	
KQHT1	,709	
KQHT3	,669	

Sau khi tiến hành phân tích nhân tố EFA với tiêu chuẩn Eigenvalue > 1, phương pháp rút trích Principal Components và phép xoay Varimax, kết quả phân tích cho thấy có 5 nhân tố được rút trích trong biến độc lập và duy nhất 1

Nguồn: Kết quả xử lý từ dữ liệu khảo sát nhân tố được rút trích trong biến phụ thuộc, phù hợp với mô hình đưa ra. Hệ số tải nhân tố của các biến này đều lớn hơn 0,5 nên đạt yêu cầu.

4.4. Mô hình hồi quy tuyến tính

Bảng 6: Kết quả phân tích hồi quy

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Độ lệch chuẩn				Beta chuẩn hóa	Dung sai điều chỉnh
(Hằng số)	,045	,202		,222	,824		
HI	,140	,042	,165	3,355	,001	,647	1,545
TK	,314	,054	,299	5,811	,000	,589	1,697
ND	,234	,047	,221	4,985	,000	,794	1,260
CS	,093	,043	,099	2,129	,034	,729	1,372
NAH	,210	,047	,227	4,452	,000	,603	1,659

a. Dependent Variable: Kết quả học tập

Sig kiểm định t hệ số hồi quy của các biến độc lập nhỏ hơn 0.05, do đó 5 biến này có ý nghĩa thống kê, tác động lên biến phụ thuộc Kết quả học tập. Như vậy không có biến nào bị loại khỏi mô hình.

Hệ số VIF của các biến độc lập đều nhỏ hơn 10 do vậy không có đa cộng tuyến xảy ra.

Chấp nhận giả thuyết:

Giả thuyết H1: Nhận thức về tính hữu ích của TikTok ảnh hưởng cùng chiều tới kết quả học tập của sinh viên.

Giả thuyết H2: Tìm kiếm thông tin trên mạng xã hội TikTok ảnh hưởng cùng chiều tới kết quả học tập của sinh viên.

Giả thuyết H3: Nội dung video trên TikTok ảnh hưởng cùng chiều đến kết quả học tập của sinh viên.

Giả thuyết H4: Sự tương tác, chia sẻ ảnh hưởng cùng chiều tới kết quả học tập của sinh viên.

Giả thuyết H5: Người có sức ảnh hưởng trên TikTok ảnh hưởng cùng chiều tới kết quả học tập của sinh viên.

Mô hình nghiên cứu sau khi phân tích hồi quy được xác định dưới dạng phương trình chuẩn hóa như sau:

Nguồn: Kết quả xử lý từ dữ liệu khảo sát

$$KQHT = 0.045 + 0.314*TK + 0.234*ND + 0.210*NAH + 0.140*HI + 0.093*CS + \epsilon_i$$

Các hệ số hồi quy biến độc lập > 0, có tác động cùng chiều tới biến phụ thuộc Kết quả học tập. Dựa vào độ lớn của hệ số hồi quy chuẩn hóa Beta, thứ tự mức độ tác động từ mạnh nhất tới yếu nhất của các biến độc lập tới biến phụ thuộc: Tìm kiếm (0.299) > Chia sẻ (0.099).

4.5. Thảo luận

Từ kết quả phân tích mô hình hồi quy cho thấy nhân tố Tìm kiếm thông tin tác động mạnh nhất đến kết quả học tập của sinh viên Phân hiệu. Điều này hoàn toàn phù hợp với nhu cầu thực tế của sinh viên Phân hiệu khi sử dụng Tiktok cho mục đích học tập và đồng nhất với kết quả phân tích của một số nghiên cứu trước đó. Tiếp theo là biến Nội dung các Video trên Tiktok. Không chỉ dừng ở việc tìm kiếm thông tin trên Tiktok, sinh viên còn cần phải biết lựa chọn các video có nội dung học tập hữu ích, được cung cấp bởi những người có chuyên môn, uy tín để tránh sai lệch về kiến thức. Do đó, các giải pháp tác giả đưa ra sẽ tập trung tối ưu hoá khả năng tìm kiếm thông tin, tài liệu học tập trên Tiktok cho sinh viên và giúp

sinh viên biết cách chọn lọc các nội dung chất lượng, uy tín về học tập.

5. Kết luận và kiến nghị

Về phía Sinh viên

Một là, xác định rõ mục đích sử dụng Tiktok và mục tiêu tìm kiếm của mình.

Hai là, sử dụng từ khóa chính liên quan đến nội dung học tập trong ô tìm kiếm, chủ động, tìm kiếm các nội dung liên quan đến học tập, sử dụng các hashtag phổ biến với nhiều lượt tag như #LearnonTiktok (3,7 triệu video -140 tỷ lượt xem), #HocCungTiktok (18,8 tỷ lượt xem),...Ngoài ra, sinh viên có thể tìm kiếm trực tiếp tên người sáng tạo nội dung về học tập hoặc tên các trang Tiktok chuyên chia sẻ nội dung về học tập.

Về phía nhà trường

Một là, lập kế hoạch cụ thể về lộ trình ứng dụng Tiktok vào trong học tập, xác định rõ mục tiêu cần đạt được. Triển khai thử nghiệm ứng dụng Tiktok vào học tập cho một số học phần cụ thể.

Hai là, xây dựng chương trình đào tạo, tập huấn về phương pháp xây dựng nội dung video, tối ưu hoá khả năng tìm kiếm, livestream trên nền tảng mạng xã hội Tiktok cho cán bộ, giảng viên, sinh viên tại trường. Đặc biệt cần chú trọng tập huấn về các điều khoản sử dụng Tiktok để tránh vi phạm.

Ba là, hợp tác với các nhà sáng tạo nội dung uy tín trên TikTok để sản xuất các video giáo dục

chất lượng cao, bám sát chương trình học, thu hút sinh viên tham gia học tập. Ngoài ra, nhà trường có thể mời những người ảnh hưởng có chuyên môn, được giới trẻ yêu thích trên Tiktok về chia sẻ kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm. Thu hút, tuyển dụng người ảnh hưởng có chuyên môn, uy tín về làm việc tại trường hoặc tham gia thỉnh giảng để tận dụng khả năng sáng tạo nội dung và sức lan tỏa.

Bốn là, tổ chức livestream dạy học trên Tiktok đối với các học phần thử nghiệm, các cuộc thi sáng tạo nội dung học tập trên nền tảng Tiktok với chủ đề liên quan đến chuyên ngành học, khuyến khích sinh viên tự sản xuất video bài giảng, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm học tập và kêu gọi bình chọn.

Năm là, tích cực tuyên truyền về lợi ích của mạng xã hội Tiktok trên website, fanpage hoặc các phương tiện truyền thông của trường để giảng viên, sinh viên có thể nhận thức tác động tích cực của Tiktok và ứng dụng trong học tập.

Trong quá trình nghiên cứu, nhóm tác giả đã bám sát mục tiêu và đạt được các kết quả nghiên cứu dự kiến. Tuy nhiên, số liệu được thu thập bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện nên tính đại diện chưa cao. Nghiên cứu vẫn còn hạn chế về cỡ mẫu chưa đủ lớn để giải thích tốt nhất kết quả của mô hình. Ngoài ra, khảo sát chưa được tiến hành đồng đều ở tất cả các Khoa và Bộ môn cũng như sinh viên các khóa tại Phân hiệu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Angel Fiallos Ordoñez, Stalin Figueroa. (2021). *TikTok and Education: Discovering Knowledge through Learning Videos*.
https://www.researchgate.net/publication/354560416_TikTok_and_Education_Discovering_Knowledge_through_Learning_Videos
- [2]. Davis, F. D. (1989). Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology. *MIS Quarterly*, 13(3), 318-330.
- [3]. Đào Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Thúy, Hoàng Thị Nga, Nguyễn Thị Hương Giang, Phùng Thị Mai Lan, Phạm Thu Huyền. (2021). Các nhân tố của mạng xã hội ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên khối ngành kinh tế xã hội tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. *Tạp chí Kinh tế Xã hội*, 11, 218-222.
- [4]. M. Owusu-Acheaw, Agatha Gifty Larson. (2015). Use of Social Media and Its Impact on Academic Performance of Tertiary Institution Students: A Study of Students of Koforidua Polytechnic, Ghana. *Journal of Education and Practice* www.iiste.org ISSN 2222-1735 (Paper) ISSN 2222-288X (Online).
- [5]. Nguyễn Thị Giang, Đinh Thị Hồng Duyên, Đặng Thu Hà, Bùi Quỳnh Trang, Doãn Thị Phương Anh. (2022). Ảnh hưởng của việc sử dụng mạng xã hội TikTok đến kết quả học tập của sinh viên trên địa bàn Hà Nội trong thời kỳ học tập trực tuyến. *FTU working paper series*, 2, 68-91.
- [6]. Nguyễn Thuý Trang, Nguyễn Thị Khánh Ly. (2023). Tác động của TikTok đến kết quả học tập của sinh viên ngành kinh tế Trường đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, 301, 4-6.
- [7]. Ngô Mai Linh, Trần Phương Nam, Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Mai Hoàng Long. (23.09.2023). Tác động của ứng dụng TikTok đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên (Một nghiên cứu trường hợp: sinh

viên thuộc 3 khối ngành tại các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội), *Tạp chí khoa học*. Truy cập ngày 23/09/2024, từ <https://js.vnu.edu.vn/PaM/article/view/4448>

[8]. Lê Thị Thanh Hà, Trần Tuấn Anh, Huỳnh Xuân Trí. (2017). Nghiên cứu các nhân tố của mạng xã hội tác động đến kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Công nghiệp thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học công nghệ và thực phẩm*. *Tạp chí Khoa học Công nghệ và Thực phẩm*, 11, 104-112.

[9]. Tăng Thị Thuỳ, Phạm Thùy Trinh, Phạm Thị Yên, Hoàng Phi Yến, Trần Thị Hiên, Nguyễn Hồng Hạnh. (2020). Ảnh hưởng của nội dung video trên tiktok đến hành vi, thái độ của sinh viên Hà Nội. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học sinh viên thường niên 2020-2021*, 332-345.

[10]. Zainab Al-Darraj, Zahra Al Mansour, Shilan Rezai. (2020). *Similarity, Familiarity, and Credibility in influencers and their impact on purchasing intention*.

Thông tin tác giả:

1. Bùi Phương Anh

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Giao thông Vận tải Phân hiệu tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Địa chỉ email: anhbp_ph@utc.edu.vn

2. Võ Quốc Khách

- Đơn vị công tác: - Sinh viên ngành Quản trị Kinh doanh Trường Đại học Giao thông Vận tải Phân hiệu tại Thành phố Hồ Chí Minh

3. Đỗ Trọng Nghĩa

- Đơn vị công tác: - Sinh viên ngành Quản trị Kinh doanh Trường Đại học Giao thông Vận tải Phân hiệu tại Thành phố Hồ Chí Minh

4. Bùi Thị Mỹ Ly

- Đơn vị công tác: - Sinh viên ngành Quản trị Kinh doanh Trường Đại học Giao thông Vận tải Phân hiệu tại Thành phố Hồ Chí Minh

5. Nguyễn Huỳnh Kim Ngân

- Đơn vị công tác: - Sinh viên ngành Quản trị Kinh doanh Trường Đại học Giao thông Vận tải Phân hiệu tại Thành phố Hồ Chí Minh

6. Phạm Nguyễn Bích Như

- Đơn vị công tác: - Sinh viên ngành Quản trị Kinh doanh Trường Đại học Giao thông Vận tải Phân hiệu tại Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 29/8/2024

Ngày nhận bản sửa: 25/9/2024

Ngày duyệt đăng: 27/9/2024